UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/TB-BQL

Đại Đồng, ngày 12 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với đất do UBND xã quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất inox và thép định hình của công ty TNHH thương mại Trường Sơn Hưng Yên

Thực hiện Thông báo thu hồi đất số 165/TB-CTUBND ngày 8/6/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất inox và thép định hình của công ty TNHH thương mại Trường Sơn Hưng Yên.

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Ban quản lý dự án ĐTXD xã Đại Đồng tiến hành niêm yết công khai dự thảo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với đất do UBND xã quản lý để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất inox và thép định hình của công ty TNHH thương mại Trường Sơn Hưng Yên tại 03 địa điểm như sau:

- Trụ sở UBND xã Đại Đồng
- Nhà văn hóa thôn Đại Từ, xã Đại Đồng;
- Nhà văn hóa thôn Văn Ổ, xã Đại Đồng;

Thời gian công khai: 10 ngày kể từ ngày 12/8/2026.

Đề nghị Phòng Văn hóa - Xã hội xã đăng tải trên công thông tin điện tử xã; Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Đồng và cơ sở thôn Đại Từ, thôn Văn Ổ thông báo rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn để nhân dân được biết.

Trong thời gian công khai, đề nghị các tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan có ý kiến thắc mắc hoặc yêu cầu bổ sung, đề nghị gửi về Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Đại Đồng thông qua cơ sở thôn Đại Từ, thôn Văn Ổ để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tiếp thu và tổng hợp.

Quá thời hạn trên, mọi ý kiến góp ý sẽ không được xem xét./.

Nơi nhận:
- UBND xã Đại Đồng;
- Phòng Văn hóa - Xã hội xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Cơ sở thôn Đại Từ; thôn Văn Ổ
- Lưu: VT, BQL.

GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hoàng Văn Hiếu

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG
BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT DO UBND XÃ QUẢN LÝ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT INOX VÀ THÉP ĐỊNH HÌNH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRƯỜNG SƠN HƯNG YÊN

Kèm theo Thông báo số: 30/TB-BQL ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD xã Đại Đồng

STT	Họ và tên	Số tờ, số thửa theo trích lục thực hiện dự án do Văn phòng Đăng ký đất đai Hưng Yên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 06/8/2020		Tổng diện tích thu hồi	Loại đất	Đơn giá	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa					
	Đất do UBND xã quản lý							
1	Đất chuyên trồng lúa nước	11	681	133,0	LUC	125.000	16.625.000	
		11	682	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	683	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	697	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	698	4,2	LUC	125.000	525.000	
		11	699	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	712	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	713	1,4	LUC	125.000	175.000	
		11	714	78,8	LUC	125.000	9.850.000	
		11	715	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	750	0,9	LUC	125.000	112.500	
		11	751	0,9	LUC	125.000	112.500	
		11	752	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	762	1,4	LUC	125.000	175.000	
		11	763	18,3	LUC	125.000	2.287.500	

STT	Họ và tên	Số tờ, số thửa theo trích lục thực hiện dự án do Văn phòng Đăng ký đất đai Hưng Yên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 06/8/2020		Tổng diện tích thu hồi	Loại đất	Đơn giá	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa					
		11	764	0,5	LUC	125.000	62.500	
		11	767	152,2	LUC	125.000	19.025.000	
		11	801	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	806	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	807	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	819	97,4	LUC	125.000	12.175.000	
		11	820	342,0	LUC	125.000	42.750.000	
		11	821	0,3	LUC	125.000	37.500	
		11	838	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	839	0,4	LUC	125.000	50.000	
		11	840	0,2	LUC	125.000	25.000	
		11	841	34,0	LUC	125.000	4.250.000	
		11	979	0,7	LUC	125.000	87.500	
		11	981	0,1	LUC	125.000	12.500	
		11	849	497,0	LUC	125.000	62.125.000	
		15	3	287,3	LUC	125.000	35.912.500	
	TỔNG			**1.653,1**			**206.637.500**	